

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

12500
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
ĐẠI DƯƠNG
HÀ NỘI
TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Thắm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Vũ Hồng Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Thắm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Vũ Hồng Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Số: 184 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 25. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 7 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1688/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		901.818.737.972	1.608.348.376.214
I. Tiền	110	4	35.682.492.036	18.884.085.734
1. Tiền	111		35.682.492.036	18.884.085.734
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	11.793.189.998	249.219.813.938
1. Đầu tư ngắn hạn	121		19.481.543.360	286.780.427.575
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.688.353.362)	(37.560.613.637)
III. Các khoản phải thu	130		844.387.865.407	1.328.605.451.529
1. Phải thu khách hàng	131	6	39.870.048.593	235.142.235
2. Trả trước cho người bán	132		320.407.700	253.500.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	29.199.464.560	19.679.595.100
4. Các khoản phải thu khác	138	8	778.768.309.953	1.315.232.739.302
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.770.365.399)	(6.795.525.108)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.955.190.531	11.639.025.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		941.778.812	649.549.456
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	9	8.942.293.719	10.957.328.300
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		71.118.000	32.147.257
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		11.887.784.637	13.155.112.893
I. Tài sản cố định	220		6.000.538.998	6.774.855.922
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.956.215.433	5.265.623.092
<i>Nguyên giá</i>	222		10.744.615.039	10.236.747.193
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.788.399.606)	(4.971.124.101)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.044.323.565	1.509.232.830
<i>Nguyên giá</i>	228		3.235.321.000	3.235.321.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.190.997.435)	(1.726.088.170)
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.887.245.639	6.380.256.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.365.810.102	4.157.305.392
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.210.140.429	1.911.656.471
3. Tài sản dài hạn khác	268		311.295.108	311.295.108
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		913.706.522.609	1.621.503.489.107

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		590.221.091.156	1.317.534.410.582
I. Nợ ngắn hạn	310		2.530.140.629	2.781.011.131
1. Phải trả người bán	312		671.675.199	442.420.042
2. Người mua trả tiền trước	313		204.000.000	165.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	170.247.097	158.785.577
4. Phải trả người lao động	315		589.831.164	631.584.144
5. Chi phí phải trả	316		402.166.738	298.929.961
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		132.424.419	192.107.945
7. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		126.574.200	279.241.650
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		233.221.812	612.941.812
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	13	587.690.950.527	1.314.753.399.451
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	14	323.485.431.453	303.969.078.525
I. Vốn chủ sở hữu	410		323.485.431.453	303.969.078.525
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.858.850.080	1.858.850.080
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.994.519.868	1.994.519.868
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.632.061.505	115.708.577
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		913.706.522.609	1.621.503.489.107

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	30/6/2012	31/12/2011
1. Chứng khoán lưu ký	006	4.227.745.980.000	3.512.979.390.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	3.845.011.810.000	3.465.086.350.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	9.129.730.000	20.197.120.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	3.835.882.080.000	3.439.607.130.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	5.282.100.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	11.332.440.000	24.155.600.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	7.000.000.000
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	11.332.440.000	17.155.600.000
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	251.484.800.000	1.484.800.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	251.484.800.000	1.484.800.000
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	19.098.000.000	22.137.700.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	1.327.300.000
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	16.098.000.000	17.999.400.000
1.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	3.000.000.000	2.811.000.000
1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	037	100.818.930.000	114.940.000
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	100.818.930.000	114.940.000



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		100.065.114.377	87.177.280.053
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.980.497.336	2.597.561.152
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		10.384.311.991	5.198.999.681
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		42.221.475.030	28.132.463.738
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.211.453.814	731.581.387
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		24.750.000	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		19.956.364	-
Doanh thu khác	01.9	15	42.222.669.842	50.516.674.095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		100.065.114.377	87.177.280.053
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	73.884.978.110	90.206.852.845
5. Lợi nhuận/(Lỗ) của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		26.180.136.267	(3.029.572.792)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.582.744.409	3.405.577.636
7. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		21.597.391.858	(6.435.150.428)
8. Thu nhập khác	31		7.309.104	20.981.375
9. Chi phí khác	32		73.313.453	8.058.750
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(66.004.349)	12.922.625
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.531.387.509	(6.422.227.803)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	2.015.034.581	-
13. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		19.516.352.928	(6.422.227.803)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	651	(214)



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Mẫu số B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	21.531.387.509	(6.422.227.803)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.528.163.471	1.466.751.786
Các khoản dự phòng	03	(32.897.419.984)	28.013.596.978
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(11.279.065.460)	(11.827.777.777)
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(21.116.934.464)	11.230.343.184
Biến động các khoản phải thu	09	544.984.525.982	331.484.763.121
Biến động chứng khoán tự doanh	10	48.721.106.415	5.847.504.140
Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(727.029.019.426)	(559.918.837.293)
Biến động chi phí trả trước	12	499.265.934	1.593.861.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.096.788.966)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(582.783.958)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(154.523.839.517)	(210.859.154.005)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(778.860.000)	(665.946.090)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	160.747.000.000	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	200.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.354.105.819	11.827.777.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	171.322.245.819	211.161.831.687
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	16.798.406.302	302.677.682
Tiền đầu kỳ	60	18.884.085.734	27.862.114.181
Tiền cuối kỳ	70	35.682.492.036	28.164.791.863



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

MÃ SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư tại ngày		Số tăng/(giảm) trong kỳ		Số dư tại ngày	
	01/01/2011	01/01/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	30/6/2011	30/6/2012
1. Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.209.906.300	1.858.850.080	-	-	1.209.906.300	1.858.850.080
3. Quỹ dự phòng tài chính	1.283.241.194	1.994.519.868	-	-	1.283.241.194	1.994.519.868
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.702.875.601	115.708.577	- (6.564.190.235)	19.516.352.928	5.138.685.366	19.632.061.505
	314.196.023.095	303.969.078.525	- (6.564.190.235)	19.516.352.928	307.631.832.860	323.485.431.453



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh bổ sung.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 72 người (31 tháng 12 năm 2011: 80).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu ngắn hạn khác và tài sản dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác, phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là khoản tiền của công ty chứng khoán và nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty chứng khoán mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán. Công ty ghi nhận giảm tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại ngày T.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác phản ánh khoản ủy thác đầu tư trái phiếu.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư ngắn hạn được Công ty áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)**

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu gốc và lãi của các hợp đồng giao dịch ký quỹ và các hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán.

Phải thu khác

Phải thu khác bao gồm phải thu gốc và lãi đối với khoản tiền đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết, dự thu lãi trái phiếu và các khoản phải thu khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ 01/01/2012**đến 30/6/2012****Số năm**

Máy móc, thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3-5 năm.

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi trái phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu, lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư, lãi từ hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	24.307.528	3.399.055
Tiền gửi ngân hàng	35.658.184.508	18.880.686.679
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền gửi của công ty chứng khoán	8.427.510.372	7.583.223.155
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	27.230.674.136	11.297.463.524
	35.682.492.036	18.884.085.734

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chứng khoán thương mại		
Cổ phiếu niêm yết	13.865.204.360	62.586.449.775
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.616.339.000	5.616.200.000
	19.481.543.360	68.202.649.775
Đầu tư ngắn hạn khác		
Ủy thác đầu tư trái phiếu (*)	-	218.577.777.800
	-	218.577.777.800
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(7.688.353.362)	(37.560.613.637)
	11.793.189.998	249.219.813.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(*) Phản ánh khoản ủy thác theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư trái phiếu theo chỉ định số 04/2011/QLDMĐT-HAPACO-OCS ký ngày 16 tháng 11 năm 2011 với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng (IFM). Khoản ủy thác này đã đáo hạn trong tháng 4 năm 2012.

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
Chứng khoán thương mại					
- Cổ phiếu niêm yết	912.965	13.865.204.360	2.204.602	(7.688.353.362)	6.179.055.600
- Cổ phiếu chưa niêm yết	561.628	5.616.339.000	-	-	5.616.339.000
	1.474.593	19.481.543.360	2.204.602	(7.688.353.362)	11.795.394.600

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
Chứng khoán thương mại					
- Cổ phiếu niêm yết	2.852.442	62.586.449.775	790.262	(37.560.613.637)	25.026.626.400
- Cổ phiếu chưa niêm yết	561.620	5.616.200.000	-	-	5.616.200.000
	3.414.062	68.202.649.775	790.262	(37.560.613.637)	30.642.826.400

Chi tiết danh mục đầu tư ngắn hạn giảm giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2012:

Chỉ tiêu	Số lượng (đơn vị)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giảm so với giá thị trường (VND)	Tổng giá trị thị trường (VND)
Cổ phiếu niêm yết				
CSC	226.300	5.604.662.200	(3.002.212.200)	2.602.450.000
CTA	675.000	8.160.330.000	(4.650.330.000)	3.510.000.000
PDC	8.400	30.623.400	(383.400)	30.240.000
Cổ phiếu khác (*)	2.752	61.680.562	(35.427.762)	26.252.800
	912.452	13.857.296.162	(7.688.353.362)	6.168.942.800

(*) Các cổ phiếu khác bao gồm các cổ phiếu lô lẻ mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty CP Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương (*)	39.253.000.000	-
Khách hàng khác	617.048.593	235.142.235
	39.870.048.593	235.142.235

(*) Phản ánh số dư còn phải thu từ nghiệp vụ chuyển nhượng 200 trái phiếu do Công ty TNHH VNT phát hành với mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán	8.875.111.100	15.252.665.100
Chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán (*)	8.671.834.000	3.901.830.000
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	11.652.519.460	525.100.000
	29.199.464.560	19.679.595.100

(*) Phản ánh khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán. Theo hợp đồng, Công ty nhận chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán của khách hàng căn cứ vào kết quả khớp lệnh bán chứng khoán của khách hàng tại Công ty. Ngay khi tiền bán chứng khoán của khách hàng được thanh toán theo kết quả thanh toán bù trừ, Công ty sẽ tự động thu tiền từ tài khoản của khách hàng bao gồm cả gốc ứng trước và lãi chuyển nhượng phát sinh.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Bảo Linh (1)	30.124.800.005	563.722.758.335
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt (1)	435.383.575.024	367.136.894.634
Ông Hồ Vĩnh Hoàng (1)	33.748.666.666	109.425.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà (1)	23.072.583.333	21.055.416.668
Công ty TNHH MTV Hoa Hướng Dương (1)	-	-
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam (1)	36.874.563.276	34.088.952.165
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Tài chính AT & M (2)	211.733.333.331	200.611.111.111
Công ty TNHH VNT	-	4.088.888.889
Phải thu về chuyển nhượng cổ phiếu (3)	7.822.000.000	15.102.000.000
Khác	8.788.318	1.717.500
	778.768.309.953	1.315.232.739.302

(1) Phản ánh số dư phải thu từ việc đặt cọc theo Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác trong đó Công ty là bên mua. Công ty sẽ đề nghị đối tác thay mặt cho Công ty mua chứng khoán theo thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời đặt cọc cho đối tác một khoản tiền tương đương 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện toàn bộ hoặc một phần, khoản tiền đặt cọc này vẫn được hưởng lãi suất theo hợp đồng tính trên số ngày đối tác nắm giữ tiền đặt cọc thực tế. Khi hợp đồng hết thời hạn mà đối tác không tìm được chứng khoán như theo thỏa thuận, đối tác sẽ phải trả lại cho Công ty số tiền đặt cọc và số tiền lãi tương ứng.

(2) Phản ánh số dư phải thu từ việc cung cấp dịch vụ môi giới mua chứng khoán chưa niêm yết cho khách hàng. Theo Hợp đồng mua bán ba bên, Công ty đứng ra làm trung gian thanh toán tiền mua cho bên bán, trong thời gian bên mua chưa thanh toán tiền mua cho Công ty, Công ty có quyền đứng tên hoặc phong tỏa số cổ phiếu đó, hết thời hạn thực hiện hợp đồng, bên mua trả cho Công ty khoản tiền gốc mua chứng khoán, tiền phí phạt chậm trả cùng với phí môi giới mua bán chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(3) Phản ánh khoản tiền Công ty, thay mặt các nhà đầu tư, đã chi ra để mua cổ phần và làm các thủ tục đứng tên, sở hữu cổ phần. Sau thời hạn 12 tháng, Công ty sẽ làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên cho nhà đầu tư. Phí hỗ trợ đầu tư là 0,1% trên tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm VAT), được thanh toán 2 ngày sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Khoản tiền Công ty nhận được từ các nhà đầu tư được phản ánh ở khoản mục Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác như đã trình bày tại Thuyết minh số 13.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu, ứng trước nêu trên và khẳng định dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập một cách thận trọng và phù hợp với các quy định hiện hành.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty nộp thừa tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	8.335.936.442	188.012.000	1.121.028.000	591.770.751	10.236.747.193
Tăng trong kỳ	-	-	778.860.000	-	778.860.000
Giảm khác	270.992.154	-	-	-	270.992.154
Tại ngày 30/6/2012	8.064.944.288	188.012.000	1.899.888.000	591.770.751	10.744.615.039
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	4.300.042.894	83.560.896	301.276.284	286.244.027	4.971.124.101
Khấu hao trong kỳ	858.629.977	31.335.336	112.718.528	60.570.365	1.063.254.206
Giảm trong kỳ	245.978.701	-	-	-	245.978.701
Tại ngày 30/6/2012	4.912.694.170	114.896.232	413.994.812	346.814.392	5.788.399.606
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	3.152.250.118	73.115.768	1.485.893.188	244.956.359	4.956.215.433
Tại ngày 31/12/2011	4.035.893.548	104.451.104	819.751.716	305.526.724	5.265.623.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	3.235.321.000	3.235.321.000
Tăng trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/6/2012	3.235.321.000	3.235.321.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	1.726.088.170	1.726.088.170
Khấu hao trong kỳ	464.909.265	464.909.265
Tại ngày 30/6/2012	2.190.997.435	2.190.997.435
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 30/6/2012	1.044.323.565	1.044.323.565
Tại ngày 31/12/2011	1.509.232.830	1.509.232.830

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	29.193.120	8.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	141.053.977	150.785.577
	170.247.097	158.785.577

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	90.601.643	194.569.290
Phải trả tiền đặt cọc môi giới mua chứng khoán (*)	552.486.666.665	1.288.103.089.900
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam</i>	<i>211.733.333.331</i>	<i>200.611.111.111</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương</i>	<i>285.818.611.110</i>	<i>15.146.666.667</i>
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	<i>54.934.722.224</i>	<i>50.131.944.445</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong</i>	<i>-</i>	<i>1.022.213.367.677</i>
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	27.230.674.136	11.297.463.524
Phải trả về chuyển nhượng cổ phiếu (**)	7.822.000.000	15.102.000.000
Phải trả, phải nộp khác	61.008.083	56.276.737
	587.690.950.527	1.314.753.399.451

(*) Phản ánh khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác mà Công ty là bên môi giới, giá trị đặt cọc sẽ tương đương với 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện toàn bộ hoặc một phần hay không được thực hiện, khoản tiền đặt cọc này vẫn được hưởng lãi suất theo hợp đồng tính trên số tiền đặt cọc thực tế

(**) Phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư khi thay mặt các nhà đầu tư mua và làm các thủ tục đứng tên, sở hữu cổ phần. Sau thời hạn 12 tháng, Công ty sẽ làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên cho nhà đầu tư. Phí hỗ trợ đầu tư là 0,1% trên tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm VAT), được thanh toán 2 ngày sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Khoản tiền Công ty đã chi ra để mua cổ phần được phản ánh ở khoản mục Các khoản phải thu khác như đã trình bày tại Thuyết minh số 08.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	300.000.000.000	1.209.906.300	1.283.241.194	11.702.875.601	314.196.023.095
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(9.584.982.138)	(9.584.982.138)
Trích lập quỹ	-	648.943.780	711.278.674	(1.860.222.454)	(500.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(141.962.432)	(141.962.432)
Số dư tại ngày 01/01/2012	300.000.000.000	1.858.850.080	1.994.519.868	115.708.577	303.969.078.525
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	19.516.352.928	19.516.352.928
Số dư tại ngày 30/6/2012	300.000.000.000	1.858.850.080	1.994.519.868	19.632.061.505	323.485.431.453

Vốn điều lệ đã góp

Theo Giấy phép điều chỉnh số 296/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 01 năm 2010 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp tại ngày			
	30/6/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	225.000.000.000	75,00%	225.000.000.000	75,00%
Ngân hàng TMCP Đại Dương	33.000.000.000	11,00%	33.000.000.000	11,00%
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	30.960.000.000	10,32%	30.960.000.000	10,32%
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	10.340.000.000	3,45%	10.340.000.000	3,45%
Ông Hà Văn Thắm	700.000.000	0,23%	700.000.000	0,23%
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

15. DOANH THU KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Thu phí theo hợp đồng môi giới mua chứng khoán chưa niêm yết (*)	39.333.016.793	35.744.823.891
Thu lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư	-	11.827.777.777
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	1.820.596.933
Thu từ lãi tiền gửi	1.481.033.008	1.118.009.169
Phí theo hợp đồng giao dịch ký quỹ	917.093.419	-
Phí chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	420.054.249	-
Doanh thu khác	71.472.373	5.466.325
	42.222.669.842	50.516.674.095

(*) Phản ánh doanh thu lãi từ các Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác trong đó Công ty là bên mua (xem thêm Thuyết minh số 08).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.141.580.215	838.216.866
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	29.130.085.641	2.829.275.526
Chi phí hoạt động tư vấn	938.970.645	336.967.234
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	172.991.500	791.689.661
Chi phí nhận đặt cọc môi giới chứng khoán	69.872.307.252	52.927.944.443
Chi phí dự phòng	(32.897.419.984)	28.013.596.978
Chi phí khác	4.526.462.841	4.469.162.137
	73.884.978.110	90.206.852.845

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	21.531.387.509	(6.422.227.803)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(539.739.500)	(2.030.145.321)
<i>Cổ tức nhận được</i>	(539.739.500)	(2.030.145.321)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	48.300.000	-
Lỗi mang sang	(12.979.809.685)	-
Lợi nhuận tính thuế	8.060.138.324	(8.452.373.124)
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.015.034.581	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.015.034.581	-

18. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.516.352.928	(6.422.227.803)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	651	(214)

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng thuê văn phòng làm việc với Công ty TNHH VNT với giá thuê là 7.160 USD/ tháng (giá chưa bao gồm VAT, tỷ giá quy đổi: 17.000 VND/USD). Thời hạn thuê là 10 năm.

Ngày 11 tháng 4 năm 2012, Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký bán gia hạn Hợp đồng thuê văn phòng làm việc với Công ty TNHH Dịch vụ Ngôi Nhà Xanh với giá thuê trong suốt thời hạn thuê là 504.000 VND/m²/tháng cho 223,13m² diện tích thực. Thời hạn thuê gia hạn là hai năm, bắt đầu từ ngày 10 tháng 5 năm 2012 đến hết ngày 09 tháng 5 năm 2014.

Tổng chi phí thuê nhà đã ghi nhận cho 6 tháng đầu năm 2012 là 1.544.334.683 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị còn lại	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	35.682.492.036	18.884.085.734
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.793.189.998	249.219.813.938
Phải thu khách hàng	39.870.048.593	235.142.235
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	25.429.099.161	12.884.069.992
Phải thu ngắn hạn khác	778.768.309.953	1.315.232.739.302
Tài sản dài hạn khác	311.295.108	311.295.108
Tổng cộng	891.854.434.849	1.596.767.146.309
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	671.675.199	442.420.042
Chi phí phải trả	402.166.738	298.929.961
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	587.600.348.884	1.314.558.830.161
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	132.424.419	192.107.945
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	126.574.200	279.241.650
Tổng cộng	588.933.189.440	1.315.771.529.759

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu của Công ty đều có tài sản đảm bảo.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
30/6/2012			
Phải trả người bán	671.675.199	-	671.675.199
Chi phí phải trả	402.166.738	-	402.166.738
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	587.600.348.884	-	587.600.348.884
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	132.424.419	-	132.424.419
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	126.574.200	-	126.574.200
Tổng cộng	588.933.189.440	-	588.933.189.440
31/12/2011			
Phải trả người bán	442.420.042	-	442.420.042
Chi phí phải trả	298.929.961	-	298.929.961
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.314.558.830.161	-	1.314.558.830.161
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	192.107.945	-	192.107.945
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	279.241.650	-	279.241.650
Tổng cộng	1.315.771.529.759	-	1.315.771.529.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
30/6/2012			
Tiền	35.682.492.036	-	35.682.492.036
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.793.189.998	-	11.793.189.998
Phải thu khách hàng	39.870.048.593	-	39.870.048.593
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	25.429.099.161	-	25.429.099.161
Phải thu ngắn hạn khác	778.768.309.953	-	778.768.309.953
Tài sản dài hạn khác		311.295.108	311.295.108
Tổng cộng	891.543.139.741	311.295.108	891.854.434.849
31/12/2011			
Tiền	18.884.085.734	-	18.884.085.734
Đầu tư tài chính ngắn hạn	249.219.813.938	-	249.219.813.938
Phải thu khách hàng	235.142.235	-	235.142.235
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	12.884.069.992	-	12.884.069.992
Phải thu ngắn hạn khác	1.315.232.739.302	-	1.315.232.739.302
Tài sản dài hạn khác		311.295.108	311.295.108
Tổng cộng	1.596.455.851.201	311.295.108	1.596.767.146.309

21. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2012	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh	2.583.720	27.417.504.000
Cổ phiếu	2.583.720	27.417.504.000
2. Chứng khoán của người đầu tư	200.177.293	2.357.973.424.200
Cổ phiếu	200.177.293	2.357.973.424.200
Tổng cộng	202.761.013	2.385.390.928.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương		
- Doanh thu phí lưu ký	107.406.626	86.503.312
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	392.056.445	59.900.545
- Doanh thu tư vấn	312.727.273	-
- Doanh thu lãi từ hợp đồng tiền gửi không kỳ hạn	1.128.938.358	800.793.100
- Nhận cổ tức	180.810.000	397.782.000
- Chi phí lãi phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc	922.897.224	9.315.777.777
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương		
- Doanh thu tư vấn	45.454.545	-
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương		
- Doanh thu phí lưu ký	22.533.894	-
- Doanh thu tư vấn	45.454.545	150.000.000
Công ty TNHH VNT		
- Doanh thu tư vấn	-	1.506.655.565
- Doanh thu phí lưu ký	19.019.000	83.175.000
- Lãi trái phiếu	9.333.333.311	-
- Chi phí thuê nhà, điện nước	1.087.900.518	931.439.627
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh		
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	-	251.888.706
- Doanh thu tư vấn	-	1.621.512.465
- Doanh thu phí lưu ký	31.684.380	30.195.153
Công ty Cổ phần Thương mại và Kho vận Thành Đông		
- Doanh thu phí lưu ký	72.800.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	203.928.254	250.099.997
- Doanh thu tư vấn	15.431.155.557	225.358.090
- Doanh thu phí lưu ký	29.560.246	17.458.314
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	16.371.380.264	11.283.677.778
Công ty Cổ phần Bảo Linh		
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	12.906.770.834	-
- Doanh thu tư vấn	11.188.021.530	232.135.680
- Doanh thu phí lưu ký	28.061.234	23.127.390
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	301.999.992	231.773.617
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	664.999.999	1.708.544.835
- Doanh thu tư vấn	1.352.166.666	593.677.690
- Doanh thu phí lưu ký	38.348.137	27.050.684
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	-	38.831.752
- Doanh thu tư vấn	-	9.182.718.530
- Doanh thu phí lưu ký	403.661.455	217.701.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Ông Hồ Vĩnh Hoàng		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	1.272.194	28.971.679
- Doanh thu tư vấn	4.515.666.666	101.804.795
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	3.420.000.000	936.200.000
- Doanh thu phí lưu ký	-	484.094
Bà Bùi Thị Cẩm Vân		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	29.801.040	20.325.070
- Doanh thu phí lưu ký	5.621.318	6.086.957
- Doanh thu tư vấn	-	1.930.970.420
Bà Nguyễn Thị Thu Hà		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	7.074.833	2.740.000
Bà Hoàng Thị Nga		
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng mua bán chứng khoán trong tương lai	-	884.396.933
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	950.130.994	630.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn		
Công ty CP Bán lẻ và Bất động sản Đại Dương	39.253.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt	3.801.402	4.859.796
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	3.714.378	3.838.191
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	21.952.000	10.000.000
Công ty TNHH VNT	3.135.000	14.085.167
Công ty Cổ phần Bảo Linh	4.625.478	4.060.142
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	5.222.700	4.650.115
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	10.606.836	3.507.087
Công ty Cổ phần Thương mại và Kho vận Thành Đông	24.400.000	10.533.333
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	135.314.053	46.920.063
Ngân hàng TMCP Đại Dương	367.162.612	104.553.312
Bà Bùi Thị Cẩm Vân	295.017	-
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty cổ phần Bảo Linh	30.124.800.005	563.722.758.335
Công ty TNHH VNT	-	4.088.888.889
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt	435.383.575.024	367.136.894.634
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	23.072.583.333	21.055.416.668
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	33.748.666.666	109.425.000.000
Phải trả người bán		
Công ty TNHH VNT	-	15.300.000
Phải trả khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	15.146.666.667



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hàng

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng